

LUẬT HÓA CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN THEO HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Nguyễn Thị Phụng*

Tóm tắt

Hiến pháp là đạo luật gốc, đạo luật cơ bản và có giá trị pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật ở Việt Nam. Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa XIII thông qua năm 2013 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2014 đã đánh dấu một bước ngoặt lớn trong lịch sử lập Hiến Việt Nam. Trong nhiều vấn đề cơ bản được Hiến pháp điều chỉnh, vấn đề quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đã được Hiến pháp ghi nhận và xác định những nguyên tắc cơ bản để bảo đảm thực hiện. Nhằm đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật và đảm bảo pháp chế XHCN, việc cụ thể hóa bằng luật đối với các quyền trên là vấn đề cần thiết và cần được quan tâm nghiên cứu.

Từ khóa: Hiến pháp, quyền con người, quyền công dân

1. Đặt vấn đề

Lịch sử hình thành và phát triển của Hiến pháp Việt Nam, với vai trò là đạo luật gốc, là văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao nhất, đã trải qua các giai đoạn từ Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992 và đến nay là Hiến pháp Nước CHXHCN Việt Nam được Quốc hội thông qua năm 2013 (sau đây gọi là Hiến pháp 2013). Ngày 28 tháng 11 năm 2013, Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 6 đã thông qua Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xem là sự kiện có ý nghĩa chính trị pháp lý quan trọng.

Hiến pháp mới có bố cục gồm 11 chương với 120 điều. Với bố cục gọn và kỹ thuật lập hiến chặt chẽ, hiện đại hơn, bản Hiến pháp hiện hành bảo đảm rằng các quy định của Hiến pháp là đạo luật cơ bản, có tính ổn định lâu dài.

Sự ra đời của Hiến pháp mới này thực

sự có ý nghĩa đối với yêu cầu phát triển của đất nước trong tình hình mới. Những quy định của Hiến pháp thể hiện sự đổi mới đồng bộ cả về kinh tế và chính trị, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng; hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. “Hiến pháp thể hiện rõ và đầy đủ hơn bản chất dân chủ, tiến bộ của Nhà nước và chế độ ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” [1, tr.30]; quy định rõ ràng, đúng đắn và đầy đủ về chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, bảo vệ Tổ quốc, tổ chức bộ máy nhà nước, về hiệu lực và quy trình sửa đổi Hiến pháp.

Lần đầu tiên trong bản Hiến pháp của Nhà nước ta đã điều chỉnh quan hệ về quyền con người được quy định trong một

* ThS, Trường Đại học Phú Yên

chương riêng cùng với việc xác định quyền công dân. Như vậy, từ ngày 01/01/2014, bản Hiến pháp mới có hiệu lực thì những quyền mà Hiến pháp thừa nhận đối với con người, với công dân mặc nhiên có giá trị thực tế. Về nguyên tắc, Hiến pháp được xác định là luật cao nhất trong hệ thống pháp luật của Nhà nước. Điều này có nghĩa là những nội dung được Hiến pháp quy định cần được cụ thể hóa bằng luật. Trong một số điều của Hiến pháp, sau khi ghi nhận quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, Hiến pháp xác định là việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ này *do luật định, theo luật định hoặc do pháp luật quy định*. Tuy nhiên, các nội dung quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đó không phải đều đã có luật cụ thể hóa. Để nội dung này trong Hiến pháp có tính khả thi cao và đi vào cuộc sống thì vấn đề quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân cũng như các vấn đề khác được Hiến pháp điều chỉnh cần thiết phải được luật hóa một cách chi tiết.

2. Luật hóa quyền con người, quyền và

nghĩa vụ cơ bản của công dân

“Quyền con người là những quyền mặc nhiên khi được sinh ra cho đến khi trọn đời mà không ai có quyền tước bỏ” [4, tr.398], bất cứ ai cũng có quyền đó; “quyền công dân là quyền cơ bản mà Hiến pháp của mỗi nước quy định cho công dân và người mang quốc tịch của nước mình” [4, tr.399]. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam được quy định tại Chương II của Hiến pháp 2013. Đây là nội dung được xây dựng trên cơ sở sửa đổi, bổ sung và bố cục lại Chương V của Hiến pháp năm 1992 (Chương *Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân*) thành Chương “*Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân*”.

Về hình thức, so với các bản Hiến pháp trước, Hiến pháp 2013 đã có số điều quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân tăng lên rõ rệt, chiếm tỉ lệ 30% so với tổng số điều trong toàn văn Hiến pháp. Điều này càng thể hiện sự quan tâm và trách nhiệm của Nhà nước đối với công dân.

STT	Hiến pháp	Vị trí	Số điều/Tổng số điều	Tỉ lệ
1	1946	Chương 2 (Điều thứ 4 → Điều thứ 21)	18/70	25.7%
2	1959	Chương 3 (Điều 22 → Điều 42)	21/112	18.75%
3	1980	Chương 5 (Điều 53 → Điều 81)	29/147	19.72%
4	1992	Chương 5 (Điều 49 → Điều 82)	34/147	23.13%
5	2013	Chương 2 (Điều 14 → Điều 49)	36/120	30%

Số lượng điều quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân qua các bản Hiến pháp [2][3].

Về nội dung, Chương II của Hiến pháp 2013 cũng đã thể hiện những điểm rất mới so với Hiến pháp 1992, thể hiện tầm quan trọng của quyền con người. Với 36 Điều

quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, có thể nói Chương II của Hiến pháp đã xác định xuyên suốt, minh bạch để việc thực hiện

các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được thuận lợi. Không những thế, các quy định của Hiến pháp về quyền con người còn đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam tham gia ký kết.

Trong Hiến pháp năm 1992, mặc dù đã ghi nhận quyền con người, song các quyền con người lại được thể hiện thông qua quyền công dân. Do vậy, để thể chế hóa quy định của Hiến pháp cũng như có những biện pháp nhằm bảo đảm để người dân thực hiện quyền của mình thì để xác định đâu là quyền con người, quyền công dân là rất khó. Do đó, bản Hiến pháp mới đã có những quy định cụ thể về quyền con người, quyền công dân để ghi nhận và bảo đảm thực hiện quyền con người và quyền công dân cho tương xứng với phạm vi của các quyền này.

Một trong những nguyên tắc cơ bản được Nhà nước khẳng định về quyền con người, quyền công dân là được “công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội” (Khoản 1 Điều 14) [2]. Đó là những quyền tự nhiên, phải được thừa nhận, tôn trọng, tạo điều kiện thực hiện và bảo vệ những quyền đó. Đồng thời Nhà nước cũng bảo đảm rằng “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng” (Khoản 2 Điều 14) [2].

Hiến pháp 2013 đã sử dụng từ “mọi người” khi đề cập về quyền con người và từ “công dân” khi đề cập đến quyền công dân. Nói đến quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp là nói đến quan hệ giữa Nhân dân với Nhà nước và ngược lại. Theo đó, quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân, mọi

người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác, công dân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội. Nhân dân trao quyền cho Nhà nước, do vậy trách nhiệm của Nhà nước đối với công dân cũng phải đặt lên hàng đầu. Nguyên tắc trên đây được xem là cơ sở pháp lý cao nhất để mọi người, mọi công dân bảo vệ và thực hiện quyền con người, quyền công dân của mình. Đồng thời cũng nhằm đề cao trách nhiệm của Nhà nước trong mối quan hệ với quyền con người, quyền công dân, phòng ngừa sự tùy tiện hoặc làm hạn chế đối với việc thực hiện quyền con người, quyền công dân từ phía các cơ quan, cán bộ, công chức Nhà nước.

Một số quyền mới được quy định trong Hiến pháp 2013 như quyền sống, quyền hiến mô, hiến bộ phận cơ thể người và hiến xác, quyền bất khả xâm phạm trong đời sống riêng tư, quyền được bảo vệ sức khỏe, quyền bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế, quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, quyền tham gia vào đời sống văn hóa và sử dụng các cơ sở văn hóa, quyền xác định dân tộc của mình, quyền sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ và tự do lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp, quyền sống trong môi trường trong lành, quyền bảo đảm an sinh xã hội...[2]. Đồng thời, Hiến pháp 2013 còn bổ sung và quy định rõ hơn quyền của các nhóm đối tượng đặc thù như trẻ em, thanh niên, người cao tuổi (Điều 37).

Không chỉ dừng ở mức độ ghi nhận, Hiến pháp còn có nhiều quy định mang tính cam kết của Nhà nước trong việc đảm bảo các quyền con người, quyền công dân được thực thi.

Điều 19 Hiến pháp 2013 quy định: “Mọi người có quyền sống”. Quyền sống là quyền tự nhiên. Do vậy, việc tước đoạt sinh mạng sống phải theo quy định của luật. Nhà nước bảo đảm rằng “Tính mạng của

con người được pháp luật bảo hộ”. Trên cơ sở đó, Bộ Luật hình sự 1999 cũng đã quy định hệ thống hình phạt đối với các tội phạm cụ thể, trong đó quy định có những tội phạm có mức án cao nhất là tử hình. Đây là cơ sở pháp lý để xác định trường hợp áp dụng hình phạt tử hình theo đúng trình tự pháp luật tổ tụng thì mới được coi là tước đoạt sinh mạng sống của người khác một cách hợp pháp.

Một số quyền cụ thể khác trong Hiến pháp như quyền có quốc tịch. Đây cũng là quyền quan trọng không chỉ thể hiện quyền lực nhà nước mà còn thể hiện mối quan hệ giữa Nhà nước với công dân. Điều 17 Hiến pháp 2013 quy định: “Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam.” [2] Trong quan hệ hội nhập ngày càng sâu rộng, Hiến pháp còn ghi nhận: “Người Việt Nam định cư nước ngoài là một bộ phận không thể tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam” (Khoản 1 Điều 18). Nội dung này đã có Luật Quốc tịch điều chỉnh nhằm phát huy vai trò quyền lực của Nhà nước, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp cho công dân Việt Nam.

Nhà nước là chủ thể duy nhất có thẩm quyền ban hành pháp luật. Do vậy, muốn quyền con người, quyền công dân được bảo đảm, trở thành hiện thực thì trước hết trách nhiệm của Nhà nước phải đặt lên hàng đầu, sau đó mới đến trách nhiệm của cộng đồng, gia đình, xã hội. Chẳng hạn như Điều 37 Hiến pháp 2013 xác định về quyền của trẻ em, quyền của thanh niên, quyền của người cao tuổi thì đối với các quyền đó, trách nhiệm trước tiên thuộc về Nhà nước. Hệ thống pháp luật điều chỉnh đến các quan hệ này đã được thiết lập như Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004, Luật Thanh niên 2005, Luật Người cao tuổi năm 2009 và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Hiến pháp quy định mọi người có quyền được hưởng phúc lợi, bảo trợ xã hội. Đây là cơ sở quan trọng để cụ thể hóa bằng các luật như: Luật Lao động, Luật Việc làm. Điều này hướng tới không phải chỉ cán bộ, công chức khi thất nghiệp mới được hưởng trợ cấp mà toàn dân đều có quyền được trợ cấp, nếu người dân lâm vào tình trạng thất nghiệp, thì Nhà nước phải có trách nhiệm bảo đảm.

Hiến pháp mới quy định, việc hạn chế quyền con người, quyền công dân dứt khoát phải quy định bằng luật, không phải bằng văn bản dưới luật. Ví dụ như công dân có quyền tự do tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình (Điều 25). Như vậy, khi Hiến pháp quy định các quyền này là quyền tự do của người dân, thì người dân có quyền tham gia vào các hoạt động đó. Nói cách khác, những quyền mặc nhiên này đã được Hiến định thì không ai có thể hạn chế, trừ trường hợp trong nguyên tắc nêu ở Điều 14. Tuy vậy, thực hiện việc tiếp cận thông tin, lập hội, hội họp, biểu tình như thế nào, trình tự ra sao... đều phải theo quy định của pháp luật. Điều này chưa có luật điều chỉnh chi tiết.

Những nguyên tắc rất cơ bản trong Điều ước quốc tế về nhân quyền, quyền con người như quyền sống, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, nguyên tắc suy đoán vô tội, những nội dung liên quan đến quyền con người đã được đưa vào Chương II. Như vậy, khi Hiến pháp ghi nhận nguyên tắc: tôn trọng Hiến chương Liên hợp quốc và các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên thì mặc nhiên nguyên tắc trong Điều ước đó dù không đưa hết vào Hiến pháp nhưng sau này sẽ quy định trong các Luật cụ thể.

Có thể thấy Nhà nước Việt Nam đang rất quan tâm đến vấn đề bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Điều này thể hiện

rõ nhất, tiến bộ nhất chính là việc ban hành bản Hiến pháp - với tư cách là đạo luật gốc, đạo luật cơ bản đã nêu ra các nội dung liên quan đến Chương II, chương về *Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân*.

Tuy nhiên, cho đến thời điểm này, không phải các quyền được ghi nhận trong Hiến pháp đều đã được cụ thể hóa bằng luật. Do vậy, việc chi tiết hóa bằng hệ thống các luật và văn bản dưới luật thực sự cần thiết và quan tâm thích đáng.

Theo tinh thần Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 02/01/2014 về *Ban hành kế hoạch tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam* và Nghị quyết *Điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, năm 2014 và chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2015* đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 29/5/2014, trong lĩnh vực về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới một số văn bản luật sau:

STT	Tên văn bản luật	Phương thức
1	Bộ luật hình sự	Sửa đổi
2	Bộ luật dân sự	Sửa đổi
3	Luật báo chí	Sửa đổi
4	Luật về hội	Ban hành mới
5	Luật trưng cầu ý dân	Ban hành mới
6	Luật biểu tình	Ban hành mới
7	Luật hôn nhân và gia đình	Sửa đổi
8	Luật tiếp cận thông tin	Ban hành mới
9	Luật tạm giữ, tạm giam	Ban hành mới
10	Luật bảo đảm trật	Ban hành mới

	tự, an toàn xã hội	
11	Luật chứng thực	Ban hành mới
12	Luật hộ tịch	Ban hành mới
12	Luật truy nã tội phạm	Ban hành mới
13	Luật an toàn thông tin	Ban hành mới
14	Luật căn cước công dân	Ban hành mới
15	Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Ban hành mới
16	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch	Ban hành mới
17	Luật Tổ tụng hành chính	Sửa đổi
18	Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em	Sửa đổi
19	Luật Dân số	Ban hành mới
20	Luật phí, lệ phí	Ban hành mới
21	Luật Nghĩa vụ quân sự	Sửa đổi
22	Luật An toàn vệ sinh lao động	Ban hành mới

Một số văn bản luật liên quan về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân cần được cụ thể hóa theo tinh thần của Hiến pháp 2013 giai đoạn 2014-2016 [6],[7].

Dự kiến các văn bản luật đó được đưa vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội khóa XIII [6],[7]. Có nghĩa là từ nay đến năm 2016 sẽ ban hành các đạo luật trên, để sớm đưa quy định của Hiến pháp 2013 phát huy giá trị thực tiễn trong cuộc sống.

3. Kết luận

Nhằm hướng đến mục tiêu đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, trước hết luật phải làm được chức năng quy định chi tiết các điều trong Hiến pháp để điều

chỉnh một cách cụ thể hơn các quan hệ đã được xác lập, nhằm hướng đến việc thực hiện các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được đảm bảo có tính hệ thống.

Nghị quyết 64 của Quốc hội khóa XIII xác định: “Các luật, pháp lệnh và các văn bản quy phạm pháp luật khác được ban hành trước ngày Hiến pháp có hiệu lực thì cần phải được rà soát để sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới cho phù hợp với Hiến pháp mới” [5]. Theo đó, việc rà soát một cách đồng bộ các văn bản quy phạm pháp

luật từ trung ương đến địa phương là điều cần thiết để phát hiện những quy định trái với Hiến pháp cần phải dừng thi hành hoặc cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới để cụ thể hóa những quy định mới của Hiến pháp.

Một trong những ưu tiên trước hết là tiến hành sửa đổi, bổ sung và ban hành các văn bản pháp luật về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Đồng thời xây dựng lộ trình để hoàn thiện hệ thống pháp luật trong các lĩnh vực khác□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Hồng Chương (2014), Bản tin hoạt động Quốc hội, *Những điểm mới về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam*, số tháng 3, tr.30-32.
- [2] Quốc hội (2013), *Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam*, Nxb Chính trị Quốc gia.
- [3] *Hiến pháp Việt Nam các năm 1946, 1959, 1980, 1992*, Nxb Hồng Đức.
- [4] Nguyễn Hữu Quỳnh (1999), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
- [5] Quốc hội (2013), *Nghị quyết số: 64/2013/QH13 ngày 28/11/2013 Quy định một số điểm thi hành Hiến pháp Nước CHXHCN Việt Nam*.
- [6] Quốc hội khóa XIII (2014), *Nghị quyết Điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, năm 2014 và chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2015 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 29/5/2014*.
- [7] Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2013), *Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 02/01/2014 Ban hành kế hoạch tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp Nước CHXHCN Việt Nam*.

Abstract

Legislated provision on human rights, basic civil rights and duties under the Constitution of the Socialist Republic of Vietnam

The Constitution is a basic code and has the utmost legal validity in the legal system in Vietnam. The Constitution of the Socialist Republic of Vietnam, approved by the National Assembly XIII in 2013 and validating from January 1st 2014, has marked a major turning point in the constitutional history of Vietnam. There have been many fundamental issues adjusted by the Constitution, in which the human rights, the basic civil rights and duties have been approved and the basic principles for implementing them have also been identified and defined. To ensure consistency in the legal system as well as the socialist legislation, the work of legislatively concretizing the above rights is considered an essential issue and should require much consideration and research.

Key words: Constitution, human rights, civil rights.